TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13- HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13/09/2025
(V/v: Ly hôn, con chung)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:* Ông **Vũ Minh Hải**.

- Các hội thẩm nhân dân*:* Ông **Vũ Hồ Phương**, ông **Trịnh Viết Xây**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Hải Loan -** Thư ký Toà án nhân dân khu vực 13 – Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Đại** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 09 năm 2025, tại Hội trường xét xử tại Trụ sở UBND huyện T cũ, nay là xã T, thành phố Hải Phòng, Toà án nhân dân khu vực 13 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp kiện xin ly hôn và yêu cầu về con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2025, Thông báo thay đổi địa điểm mở phiên toà số 02/2025/TB-TA ngày 04 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn****:* Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1991,

CCCD: 022191000796

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn T, phường B, tỉnh Quảng Ninh (Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. ***Bị đơn****:* Anh Hà Văn S, sinh năm 1987

CCCD: 030087008587

ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn N, xã N, thành phố Hải Phòng. (Vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Về quan hệ vợ chồng:

* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị G khai: Chị Nguyễn Thị G và anh Hà Văn S kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có thời gian tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, được ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/12/2014 (nay là xã N, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do có nhiều bất đồng trong việc phát triển kinh tế, anh S thường xuyên xúc phạm nhân phẩm của chị G, dẫn đến không có tiếng nói chung, hai bên không còn sự yêu thương trân trọng nhau. Do mâu thuẫn trầm tọng, từ năm 2016 chị Nguyễn Thị G đã ly thân anh Hà Văn S, về sống tại gia đình bố mẹ đẻ cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể cải thiện được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Văn S.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị G khai vợ chồng có một con chung là Hà Anh T, sinh ngày 07/07/2015, hiện đang do anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Tòa án giải quyết ly hôn, chị Nguyễn Thị G nhất trí để cháu Hà Anh T ở cùng anh Hà Văn S.

Về tài sản chung, công nợ: Chưa có, chị G, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Hà Văn S đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt, không tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa lấy lời khai anh Hà Văn S anh trình bày: anh và chị G có đăng ký kết hôn ngày 15/12/2024 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương, nay là xã N, thành phố Hải Phòng. Quá trình sống chung anh xác định không có mâu thuẫn gì mà chị Nguyễn Thị G tự bỏ đi từ năm 2017 đến nay, không quan tâm đến anh và con cái. Nay chị G xin ly hôn anh không đồng ý vì ảnh hưởng đến con chung.

Về con chung: anh Hà Văn S xác định vợ chồng có một con chung là Hà A Thư sinh ngày 07/07/2015, hiện con chung đang ở với anh Hà Văn S. Tòa án giải quyết ly hôn anh Hà Văn S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Hà Văn S tự nguyện không yêu cầu chị Nguyễn Thị G phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, chị Nguyễn Thị G, anh Hà Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Xác minh tại khu dân cư nơi anh Hà Văn S sinh sống xác định**: Qua nắm bắt thông tin chị Nguyễn Thị G và anh Hà Văn S có mâu tuẫn từ lâu, chị Nguyễn Thị G hiện đang sống ly thân anh Hà Văn S nhiều năm nay. Anh Hà Văn S là người cá tính nên có nhiều mâu thuẫn với các thành viên trong gia đình, ngay cả giữa anh Hà Văn S và mẹ đẻ cũng có mâu thuẫn mà thôn phải đến hòa

giải. Chị Nguyễn Thị G làm đơn ly hôn không thông báo hay nhờ thôn hòa giải, nên địa phương không nắm được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà: Chị Nguyễn Thị G có đơn xin xét xử vắng mặt; quan điểm trong lời khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Hà Văn S và đề nghị Toà án giải quyết về con chung, không yêu cầu về tài sản và nợ chung, không thay đổi, bổ sung gì thêm. Anh Hà Văn S đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sau (sau đây viết tắt là HĐXX) và thư ký từ khi thụ lý cho đến trước khi vào nghị án thực hiện đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền và trình tự thủ tục của giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng theo các Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định Điều 70, 72 BLTTDS. Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, 147, 227, 228, 238, 232, 262 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án lệ phí.

Đề nghị HĐXX, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị G: Xử cho chị Nguyễn Thị G được ly hôn anh Hà Văn S.

Về con chung: Giao con Hà Anh T, sinh ngày 07/7/2015 cho anh Hà Văn S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Hà Văn S không yêu cầu chị Nguyễn Thị G cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 án phí sơ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. HĐXX, thấy:

[1]. **Về tố tụng**:

1.1. Về Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Hà Văn S có địa chỉ ở thôn N, xã N, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13-Hải Phòng.

1.2. Về sự vắng mặt của các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, anh Hà Văn S đã được thông báo, đã biết nội dung chị Nguyễn Thị G khởi kiện, tuy nhiên anh S cố tình không đến Toà án làm việc. Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt văn bản tố tụng đối với anh Hà Văn S nhưng anh S vẫn vắng mặt không đến Tòa án. Do nguyên đơn chị Nguyễn Thị G có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Khi Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử, do anh S vắng mặt lần thứ nhất nên HĐXX đã Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh S vắng mặt không có lý do nên HĐXX quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh S là phù hợp với quy định điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn chị G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, HĐXX xét xử vắng mặt chị G là phù hợp với quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. **Về nội dung**:

2.1. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị G xin ly hôn anh Hà Văn S, yêu cầu giải quyết về con chung, không yêu cầu tài sản chung, nợ chung.

2.2. Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị G và anh Hà Văn S được ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã N, thành phố Hải Phòng) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/12/2014, tại thời điểm kết hôn chị Nguyễn Thị G và anh Hà Văn S đủ điều kiện kết hôn, hoàn toàn tự nguyện, điều đó thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và Gia đình quy định là Hôn nhân hợp pháp.

2.3. *Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị G, Hội đồng xét xử nhận thấy:* Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Nguyễn Thị G, anh Hà Văn S chung sống hòa thuận được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do có nhiều bất đồng trong việc phát triển kinh tế, dẫn đến không có tiếng nói chung, anh Hà Văn S còn có lời nói xúc phạm danh dự chị G, hai bên không còn sự yêu thương trân trọng nhau, từ năm 2016 chị G đã về sống ly thân tại gia đình bố mẹ đẻ cho đến nay. Anh S không đồng ý ly hôn vì không muốn ảnh hưởng đến con chung, nhưng anh cũng thừa nhận vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay, chị G không quan tâm đến anh và con. Tòa án nhiều lần triệu tập anh S đến Toà án để hòa giải theo đơn ly hôn của chị G nhưng anh S không đến làm việc, anh không nhất trí ly hôn nhưng anh không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều đó thể hiện anh không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Căn cứ nhận định trên, xét mâu thuẫn giữa anh S và chị G đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị G là phù hợp với quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. **Về con chung**: Chị Nguyễn Thị G và anh Hà Văn S xác định có một con chung là Hà Anh T, sinh ngày 07/7/2015, hiện đang ở cùng anh S. Anh, chị

đều thống nhất giao con Hà Anh T cho anh Hà Văn S chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến khi con đủ 18 tuổi. Ý kiến của con chung cháu T cũng đồng ý ở với anh S. Sự thỏa thuận về nuôi con chung của chị G, anh S phù hợp với nguyện vọng của con chung và các quy định của pháp luật cần ghi nhận sự thỏa thuận trên.

[4]. **Về tài sản chung**: Chị Nguyễn Thị G và anh Hà Văn S xác định không có tài sản chung, nợ chung, không đề nghị gì nên không phải giải quyết.

[5]. **Về án phí**: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 4 Điều 207; Khoản 1, điểm a, b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 4 nghị quyết số 81/ 2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của ủy ban thường vụ quốc hội; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị G.

2. Xử: Chị Nguyễn Thị G được ly hôn anh Hà Văn S

3. Về con chung: Giao con Hà Anh T, sinh ngày 07/7/2015 cho anh Hà Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Hà Văn S không yêu cầu chị Nguyễn Thị G cấp dưỡng nuôi con. Chị Nguyễn Thị G được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000đ được đối trừ với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số BLTU/24/0001949 ngày 21/07/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu A, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị G đã hoàn thành nghĩa vụ nộp án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án đươc niêm yết tại nơi cư trú của nguyên, bị đơn.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 13- Hải Phòng;
-THA dân sự thành phố Hải Phòng
- UBND xã Ninh Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Minh Hải